

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HS-ST
Ngày 30-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Phẫu
2. Bà Trần Thị Phúc Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Đức Đ; sinh ngày 06/02/1987. Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Trần Thanh T và bà Hoàng Thị N; vợ, con: chưa có.

Tiền án: Có 02 tiền án: Ngày 09/9/2016 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù tại Bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017; tổng hợp hình phạt 18 tháng tù của Bản án số 46/2016/HSST ngày 30/11/2016 Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình buộc Trần Đức Đ phải chấp hành hình phạt 42 tháng tù.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Năm 2009 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự.

- Ngày 21/8/2010 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm 03 tháng tù tại Bản án số 104/2010/HSST ngày 26/11/2010.

- Ngày 18/7/2010 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù tại Bản án số 08/2010/HSST ngày 22/12/2010.

- Ngày 19/5/2010 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù tại Bản án số 01/2011/HSST ngày 07/01/2011; tổng hợp hình phạt của cả 3 bản án buộc Trần Đức Đ phải chấp hành hình phạt 51 tháng tù.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 01/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay. (Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Văn H; sinh ngày 25/5/1988. Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; con ông Lê Đức H và bà Trần Thị T; có vợ Nguyễn Thị B và 03 con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 22/01/2007 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù tại Bản án số 65/2007/HSPT ngày 21/8/2007.

- Năm 2009 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự.

- Ngày 21/8/2013 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù tại Bản án số 77/2013/HSST ngày 26/11/2013.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 01/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay. (Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Trần Đức T; sinh ngày 01/7/1983 tại thôn Trung Tiến, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Trần Đình T và bà Trần Thị K; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 01/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay. (Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

Anh Trần Văn T, sinh ngày 08/9/1985

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Hoàng Văn Q, sinh ngày 01/4/1979

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 22/8/2020, Trần Đức Đ và Lê Văn H đến nhà bố mẹ của Trần Đức T ở thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để chơi và uống rượu. Đến khoảng 1 giờ ngày 23/8/2020, Đ rủ T và H đi trộm cắp tài sản thì T và H đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER135, màu sơn xanh – trắng, biển kiểm soát 73D1- 042.42 chở T và H theo Quốc lộ 12A hướng Ba Đ – Đ Lê rồi rẽ qua cầu Châu Hóa để vào xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa. Khi đến ngã tư tiếp giáp với đường tỉnh lộ 559 thuộc xã Cao Quảng thì Đ phát hiện tại sân nhà của anh Nguyễn Phú S, trú tại thôn S, xã C, huyện Tuyên Hoá có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT S, màu sơn đen – trắng, biển kiểm soát 73D1 – 087.35 của anh Trần Văn T ở thôn V, xã C, huyện Tuyên Hoá gửi, đang dựng ở sân nhà, Đ liền quay xe lại. Lúc này, Đ giao xe mô tô cho T đứng ngoài cánh giới, còn Đ và H đi đến chỗ dựng chiếc xe mô tô. Đ dùng vạm phá khóa tra vào ổ khóa, khi mở được khóa rồi giao cho H đẩy chiếc xe mô tô ra ngoài đường nổ máy điều khiển chiếc xe vừa lấy trộm chạy trước, còn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73D1- 042.42 chở Đ về nhà bố mẹ T. Tại đây Đ, H và T thống nhất chiếc xe mô tô lấy trộm được với giá 1.500.000 đ (một triệu năm trăm nghìn Đ). Lê Văn H sử dụng chiếc xe mô tô và H phải có trách nhiệm đưa cho Đ và T mỗi người 500.000 Đ. Sau đó H đưa cho T 500.000 Đ, còn lại 500.000 Đ H chưa đưa cho Đ. Đến ngày 31/8/2020, Công an huyện Tuyên Hóa phát hiện và thu giữ tang vật cùng phương tiện phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 01/9/2020 của Hội Đ định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuyên Hoá xác định: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT S, màu sơn đen – trắng, biển kiểm soát 73D1 – 087.35, xe đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.200.000 Đ (ba triệu hai trăm nghìn Đ).

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá đã thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER135, màu sơn xanh – trắng, số khung 033206, số máy 033205, biển kiểm soát 73D1- 042.42, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT S, màu sơn đen – trắng, số khung 035085, số máy 035085, xe không có biển kiểm soát, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note7, màu đen, IMEI1: 865349043102644, IMEI2: 865349044992647, đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note7, màu đen do Lê Văn H và Trần Đức T lấy trộm tại xã Quảng Trường, huyện Q: Ngày 27/10/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá đã chuyển chiếc điện thoại nói trên đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q để xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với biển kiểm soát 73D1 – 087.35 và chiếc vạm phá khóa: Ngày 11/9/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại anh Trần Văn T không yêu cầu bồi thường dân sự.

Hành vi của các bị cáo đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá làm rõ.

Bản Cáo trạng số: 40/CT-VKSTH-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Đức Đ từ 12 đến 15 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 01/9/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 9 đến 12 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 01/9/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 06 đến 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 01/9/2020.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER135, màu sơn xanh – trắng, số khung 033206, số máy 033205, biển kiểm soát 73D1- 042.42, xe đã qua sử dụng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Q là chủ sở hữu chiếc xe trên.

- Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT S, màu sơn đen – trắng, số khung 035085, số máy 035085, xe không có biển kiểm soát, xe đã qua sử dụng cho bị hại anh Trần Văn T là chủ sở hữu chiếc xe trên.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T, mỗi bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn T không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự nên không xem xét.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Trần Đức T phải nộp lại số tiền 500.000 đ (năm trăm nghìn Đ) để tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đây là số tiền do Trần Đức T phạm tội mà có để thu lợi bất chính.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Bị cáo nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, của Điều tra viên và của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên không xem xét gì thêm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T đã lợi dụng thời điểm đêm tối và sự sơ hở trong việc quản lý và bảo vệ tài sản của bị hại anh Trần Văn T khi không có người trông giữ tài sản đã cùng nhau lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô dựng ở sân nhà anh Nguyễn Phú S là tài sản của anh Trần Văn T gửi nhờ tại đó.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Bị cáo Trần Đức Đ là người chủ mưu, khởi xướng, đã rủ bị cáo H và T đi trộm xe máy. Bị cáo Đ đã dùng xe máy Yamaha chở H và T đi dọc đường tìm tài sản để lấy trộm, Đ thời cũng là người cùng với H trực tiếp lấy trộm tài sản nên bị cáo Đ phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H và bị cáo T. Đối với Lê Văn H và Trần Đức T là đồng phạm tích cực khi nghe Trần Đức Đ rủ rê đi trộm xe máy đã không ngăn cản mà đã nhiệt tình hưởng ứng cùng với Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo H cũng là người trực tiếp lấy trộm tài sản là xe máy của anh Trần Văn Tuyên. Sau khi lấy được xe máy đã trực tiếp điều khiển xe máy chạy về nhà T; chính H là người giữ xe để sử dụng cho bản thân làm phương tiện đi lại của mình. Vì vậy bị cáo H cũng phải chịu một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với Trần Đức T tuy không trực tiếp lấy trộm tài sản của bị hại nhưng tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm đã giúp sức tích cực bằng việc đứng canh giới cho Đ và H thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy các bị cáo đã thực hiện việc trộm xe máy có sự bàn bạc trước và có chuẩn bị phương tiện và công cụ phạm tội là vạm phá khóa. Sau khi lấy trộm được chiếc xe, các bị cáo đã phân chia nhau mỗi người 500.000 đồng hưởng lợi bất chính.

Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật bất chấp tất cả để có tiền phục vụ bản thân, hành vi của các bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Tài sản mà Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T đã chiếm đoạt của bị hại anh Trần Văn là chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT S, màu sơn đen – trắng, số khung 035085, số máy 035085, xe không có biển kiểm soát, xe đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm bị mất là 3.200.000 đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của Kiểm sát viên. Do đó có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đúng như Bản cáo trạng và Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn H và Trần Đức T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Trần Đức Đ phạm tội thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đối với bị cáo Lê Văn H có bố đẻ là ông Lê Đức H là người có công với cách mạng được Nhà nước trao tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Đối với bị cáo Trần Đức T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[5] Về mức án mà Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Trần Đức Đ từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- Bị cáo Lê Văn H từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- Bị cáo Trần Đức T từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hội Đ xét xử xét thấy: Bị cáo Trần Đức Đ có nhân thân xấu: Năm 2009 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự. Ngày 21/8/2010 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm 03 tháng tù tại Bản án số 104/2010/HSST ngày 26/11/2010. Ngày 18/7/2010 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù tại Bản án số 08/2010/HSST ngày 22/12/2010. Ngày 19/5/2010 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù tại Bản án số 01/2011/HSST ngày 07/01/2011; tổng hợp hình phạt của cả 3 bản án buộc Trần Đức Đ phải chấp hành hình phạt 51 tháng tù. Bị cáo Trần Đức Đ có 02 tiền án: Ngày 09/9/2016 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù tại Bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017; tổng hợp hình phạt 18 tháng tù của Bản án số

46/2016/HSST ngày 30/11/2016 Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình buộc Trần Đức Đ phải chấp hành hình phạt 42 tháng tù. Mặc dù bị cáo có 2 tiền án, tuy nhiên chỉ xác định bị cáo thuộc trường hợp tái phạm mà không phải tái phạm nguy hiểm do: Ngày 30/11/2016 Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt bị cáo 18 tháng tù tại Bản án số 46/2016/HSST nhưng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử gần thời gian với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện được xét xử tại Bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình, nên bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình chỉ xác định bị cáo Đ có nhân thân xấu mà không phải tái phạm. Như vậy bị cáo Đ là người đã bị kết án. Sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương, bị cáo Trần Đức Đ không chịu rèn luyện bản thân và lao động chân chính mà tiếp tục phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, nên thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo Lê Văn H có nhân thân xấu: Ngày 22/01/2007 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù tại Bản án số 65/2007/HSPT ngày 21/8/2007. Năm 2009 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh trật tự. Ngày 21/8/2013 phạm tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù tại Bản án số 77/2013/HSST ngày 26/11/2013.

Các bị cáo là những thanh niên tuổi đời còn rất trẻ nhưng không chịu khó rèn luyện bản thân và lao động để có thu nhập và đảm bảo cuộc sống của mình chỉ vì bản chất lười lao động, thích hưởng lợi từ tài sản có sẵn của người khác nên đã rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội cần được xử lý nghiêm. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị mức án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá và cần áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với 3 bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T; riêng bị cáo Trần Đức Đ cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng tái phạm tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, đồng thời cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cần xem xét cho các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T trong quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo. Riêng bị cáo Lê Văn H có bố đẻ là ông Lê Đức H là người có công với cách mạng được Nhà nước trao tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trần Đức T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, phù hợp chính sách nhân đạo của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note7, màu đen do Lê Văn H và Trần Đức T lấy trộm tại xã Quảng Trường, huyện Q: Ngày 27/10/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá đã chuyển chiếc điện thoại nói trên đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q để xử lý theo thẩm quyền; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với biển kiểm soát 73D1 – 087.35 và chiếc vạm phá khóa: Ngày 11/9/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy. Bị hại anh Trần Văn T không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER135, màu sơn xanh – trắng, số khung 033206, số máy 033205, biển kiểm soát 73D1- 042.42, xe đã qua sử dụng là chiếc xe mà các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản là tài sản của anh Hoàng Văn Q. Anh Q không biết việc các bị cáo sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại chiếc xe mô tô trên cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Q là chủ sở hữu chiếc xe trên.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT S, màu sơn đen – trắng, số khung 035085, số máy 035085, xe không có biển kiểm soát, xe đã qua sử dụng thuộc sở hữu của bị hại anh Trần Văn T. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho anh Trần Văn T là chủ sở hữu chiếc xe trên.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại anh Trần Văn Tuyên không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Biện pháp tư pháp: Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Trần Đức T được bị cáo Lê Văn H phân chia số tiền 500.000 Đ để cùng hưởng lợi bất chính. Đây là số tiền do Trần Đức T phạm tội mà có nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, sửa đổi năm 2017: Buộc bị cáo Trần Đức T phải nộp lại số tiền 500.000 đ (năm trăm nghìn đồng) để tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 Đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Đức Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 01/9/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 01/9/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Đức T 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 01/9/2020.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T 45 (bốn mươi lăm) ngày theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

3. Vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER135, màu sơn xanh – trắng, số khung 033206, số máy 033205, biển kiểm soát 73D1- 042.42, xe đã qua sử dụng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Q là chủ sở hữu chiếc xe.

- Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT S, màu sơn đen – trắng, số khung 035085, số máy 035085, xe không có biển kiểm soát, xe đã qua sử dụng cho bị hại anh Trần Văn T là chủ sở hữu chiếc xe trên.

4. Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, sửa đổi năm 2017: Buộc bị cáo Trần Đức T phải nộp lại số tiền 500.000 đ (năm trăm nghìn đồng) để tịch thu sung công quỹ nhà nước.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Văn H và Trần Đức T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; bị hại, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/11/2020). Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày anh Hoàng Văn Q nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Công an huyện Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh QB;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đoàn Thị Bích Thuỷ